

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **15/2020/TLST-HNGĐ.**

Ngày 17/8/2020.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Phan Xuân Thắng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 407/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/HNGĐ-ST ngày 24/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Ông Lê Văn D.** Sinh năm: 1982.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

*Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T.** Sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 13/8/2001 trên cơ sở tự nguyện, chúng tôi kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2011 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vào năm 2011 bà T bị bệnh mà không chữa bệnh tại bệnh viện cho khỏi bệnh, mà lại đi theo đạo phật để chữa bệnh, do đó mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không lo làm ăn mặc dù tôi đã dùng hết lời lẽ khuyên ngăn nhưng bà T vẫn không lắng nghe và thay đổi, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có cùng quan điểm sống. Vợ chồng tôi đã sống ly thân kể từ năm 2011 đến nay không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi có nguyện vọng được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh T sinh ngày 17/3/2002 và cháu Lê Trung Đ sinh ngày 23/11/2004, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh T và cháu Lê Trung Đ đến các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cô Nguyễn Thị T nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T, quá trình làm việc nhiều lần Tòa án triệu tập bà Thu lên làm việc để giải quyết vụ án nhưng bà Thu không chấp hành hợp tác làm việc để giải quyết vụ án, bà Thu biết việc Tòa án đang thụ lý và giải quyết vụ án tuy nhiên vắng mặt và bỏ đi khỏi địa phương, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Thu thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự nhưng bà Thu vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các cháu Lê Trung Đ và Lê Thị Thanh T xác định hai bố mẹ đã sống ly thân, hiện tại hai bố mẹ ly hôn tại Tòa án thì hai cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

Phản tranh luận tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Eakar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn D, ông Lê Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Theo yêu cầu của phía nguyên đơn cháu Lê Trung Đ sinh ngày 23/11/2004 có nguyện vọng được ở với bố, nên đề nghị HĐXX xem xét giao cháu Đ cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Đối với cháu Lê Thị Thanh T sinh ngày 17/3/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung: Ông D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đưa ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:

[1] **Về tố tụng:** Ông Lê Văn D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn với bà Nguyễn Thị T, cư trú tại thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ 2 đều vắng mặt không có lý do. HĐXX, Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/8/2001 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T tin vào tín ngưỡng tôn giáo, đi theo đạo Phật, từ đó dẫn đến vợ chồng bất hòa, không cùng quan điểm sống, ông D và bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2011 đến nay, HĐXX xét thấy mỗi người đều đã có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa nhau. Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập bà T đến Tòa án làm việc cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do, vì vậy bà T phải chịu hậu quả về việc vắng mặt của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và của ông Nguyễn Viết X và bà Mai Thị T là bố mẹ ruột của bà T đã xác định nguyên nhân mâu thuẫn ông D và bà T là có thực hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Xét thấy hiện nay, mâu thuẫn giữa ông D và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Lê Văn D.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh T sinh ngày 17/3/2002 và cháu Lê Trung Đ sinh ngày 23/11/2004. Hiện tại cháu T đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Theo nguyện vọng của cháu Đ muốn được ở với ông D, HĐXX xét thấy hiện nay ông D có nghề nghiệp ổn định, thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng được cháu Lê Trung Đ, ông D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi trưởng thành, bà T được người nhà cung cấp là đang điều trị bệnh do đó không thể chăm sóc nuôi dưỡng con chung được. Do vậy, căn cứ vào khoản 3, Điều 81 luật Hôn nhân và Gia đình nhận thấy cần giao cháu Đ cho ông Lê Văn D nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn D không yêu cầu bà Nguyễn Thị T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên bà Nguyễn Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Sau khi ly hôn đương sự thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân & Gia đình.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn D.

Tuyên xử:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Lê Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

* **Về con chung:** Giao cho ông Lê Văn D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Trung Đ sinh ngày 23/11/2004 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Còn đối với cháu Lê Thị Thanh T sinh ngày 17/3/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Ông Lê Văn D không yêu cầu bà Nguyễn Thị T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bà Nguyễn Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên bà Nguyễn Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Sau khi ly hôn đương sự thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2/ Về án phí: Ông Lê Văn D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005921 ngày 11/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

3/ Quyền kháng cáo: Ông Lê Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương.

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Minh Ngọc